

Số: **516/2020/QĐST-HNGĐ**      *Thành phố Huế, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212 , 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 497/2020/TLST/ HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**1. Anh Trần Văn T**, sinh năm: 1979; địa chỉ: 5/42 Nguyễn Công T, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Chị Dương Thuý A**, sinh năm: 1983; địa chỉ: 5/42 Nguyễn Công T, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 19/4/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay gây gổ nhau nên đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Do mục đích hôn nhân không đạt, nên anh T và chị A tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 28/3/2011 và Trần Quang B, sinh ngày 24/12/2012, hiện đang ở với anh T. Hai bên thỏa thuận giao cả hai cháu N và B cho anh Trần Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thoả thuận chị Dương Thuý A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A xác nhận không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000506 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 09 tháng 11 năm 2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh N, sinh ngày 28/3/2011 và cháu Trần Quang B, sinh ngày 24/12/2012 cho anh Trần Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thuý A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000506 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Văn T và chị Dương Thuý A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm*

*2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND phường P;
- (ĐKKH số 23 ngày 19/4/2011)**
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Huế**